

小学3・4年男子予選

	No.	所属	名前	①	②	③	④	勝数	試合数	勝率	TD	TR	TD-TR	順位
1	①	青山C	榎本 藏人	●●●●	V3	V	V	3	3	1.000	13	5	8	1
	②	香川JFC	棟本 馨文	1	●●●●	3	3	0	3	0.000	7	13	-6	4
	③	広瀬町FC	椿 樂	2	V	●●●●	2	1	3	0.333	9	13	-4	3
	④	松山JFC	泉 怜邑	2	V	V	●●●●	2	3	0.667	12	10	2	2

	No.	所属	名前	①	②	③	④	勝数	試合数	勝率	TD	TR	TD-TR	順位
2	①	京都フューチャーFC	熊本 颯太	●●●●	V	V	V4	3	3	1.000	14	8	6	1
	②	レフレール愛媛	曾根 岳三	2	●●●●	V	V	2	3	0.667	12	8	4	2
	③	広瀬町FC	椿 琉衣	4	1	●●●●	V	1	3	0.333	10	11	-1	3
	④	徳島FC	林 正太郎	2	2	1	●●●●	0	3	0.000	5	14	-9	4

	No.	所属	名前	①	②	③	勝数	試合数	勝率	TD	TR	TD-TR	順位
3	①	中京Jr	長谷川 力 玖	●●●●	V	V	2	2	1.000	10	4	6	1
	②	香川JFC	圓尾 晃生	3	●●●●	V	1	2	0.500	8	7	1	2
	③	松江FC	坂本 郷	1	2	●●●●	0	2	0.000	3	10	-7	3

小学3・4年男子シード順位

順位	所属	選手名	勝数	試合数	勝率	TD	TR	TD-TR
1	青山C	榎本 藏人	3	3	1.000	13	5	8
2	京都フューチャーFC	熊本 颯太	3	3	1.000	14	8	6
3	中京Jr	長谷川 力玖	2	2	1.000	10	4	6
4	レフレール愛媛	曾根 岳三	2	3	0.667	12	8	4
5	松山JFC	泉 怜邑	2	3	0.667	12	10	2
6	香川JFC	圓尾 晃生	1	2	0.500	8	7	1
7	広瀬町FC	椿 琉衣	1	3	0.333	10	11	-1
8	広瀬町FC	椿 樂	1	3	0.333	9	13	-4
9	香川JFC	棟本 馨文	0	3	0.000	7	13	-6
10	松江FC	坂本 郷	0	2	0.000	3	10	-7
11	徳島FC	林 正太郎	0	3	0.000	5	14	-9

小学3・4年男子エリミナシオン

